**Phạm thành Châu**

Bí Mật Của ÔngThầy Thọt

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Bí Mật Của ÔngThầy Thọt](" \l "bm2)

**Phạm thành Châu**

Bí Mật Của ÔngThầy Thọt

  “Con ơi nhớ lấy lời cha.   
Một năm ăn trộm bằng ba năm làm”  
   
 Hội An là một thành phố cổ. Khoảng thế kỷ 15, 16 đã là thương cảng phồn vinh của miền Nam thời Chúa Nguyễn. Các thương thuyền ngoại quốc thường ghé trao đổi hàng hóa. Người Nhật, người Tàu, người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha có đại diện thương cục ở đấy. Sau nầy, lòng sông Thu Bồn, phía Cửa Đại bị phù sa lấp, cạn dần, tàu thuyền lớn không vào được nên các thương nhân bỏ đi, chỉ còn lại người Tàu. Họ là thần dân nhà Minh bên Tàu, khi Mãn Thanh cai trị nước Tàu, họ bỏ xứ ra đi, đến Hội An họ ở luôn tại đấy. Một số lấy người bản xứ, sinh con, xưng là người Minh Hương để tỏ lòng tưởng nhớ đến nhà Minh. Tôi là người Minh Hương nhưng không biết tiếng Tàu, cũng không rõ gốc gác mình ra sao.  
  
Trước khi Hội An thành thương cảng, nó là lãnh thổ của Chiêm Thành. Di tích còn lại có thành Trà Kiệu, cố đô của Chiêm Thành, cách Hội An độ ba mươi cây số. Ngay tại Hội An thỉnh thoảng những người đào đất bắt gặp những tượng đá, vật dụng, nghe  nói có khi gặp vàng nữa, nhưng dĩ nhiên chẳng ai dại gì nói ra. Trừ vàng, thường thì không ai muốn giữ các tượng đá trong nhà. Họ sợ ma Hời –chỉ người Chiêm Thành - vật chết. Họ đem để trước bình phong đền miếu hoặc gốc cây đa. tôi có thấy một tượng phụ nữ Chàm bằng đá, rất đẹp, để trước miếu Quảng An, sau có ông thầy dạy vẽ, thầy Kiệm, đem về dùng làm mẫu cho học trò tập vẽ. Chúng tôi sợ ma Hời bắt thầy chết, vậy mà thầy vẫn sống nhăn, chả sao cả.  
  
Về cái miếu Quảng An, người ta đồn đó là miếu thờ ma Hời, nhưng không ai cúng ma Hời, chỉ thấy ngày rằm, mùng một có ông Ba Râu, một ông già ra thắp nhang, Xuân Thu nhị kỳ có lễ cầu an, rất long trọng. Lúc đó tôi còn học tiểu học không quan tâm đến, nhưng mỗi tối đi ngang qua miếu tôi sợ kinh khủng, không dám nhìn vào miếu, sợ ngài vật chết. Miếu nầy nằm ngay đầu hẽm đi vào nhà tôi. Đường hẽm nầy đi thông từ đường Phan Chu Trinh qua đường Trần Hưng Đạo. Thời pháp thuộc nó có tên kiệt Công Quán Cũ, còn đường Trần Hưng Đạo có tên là đường Công Quán, vì có trú sứ của tên công sứ Pháp. Trong kiệt Công Quán nầy có giếng nước ngọt nổi tiếng. Đó là giếng Bá Lễ. Ngay đến bây giờ Hội An vẫn không có nước máy. Nhà nào cũng có giếng trong vườn để lấy nước sử dụng. Nhà khá giả thường thuê người gánh nước giếng Bá Lễ về làm nước uống, nấu ăn. Thế nên giếng lúc nào cũng tấp nập người đến kéo nước. các cô, bà lấy đó làm nơi trò chuyện. Tối lại, có các chàng lính tráng lãng vãng ra tán tỉnh, cập kè các cô, thế nên về ban đêm con đường thường xuyên tối thui. Vì tuy có điện đường, nhưng các chàng lính lấy đá ném cho vỡ bóng đèn để tiện làm ăn. Nhà tôi cách giếng Bá Lễ vài khu vườn, trong một khuôn viên rất rộng. giữa là nhà thờ tộc, quây quần chung quanh là nhà con cháu. Phía sau là nhà người bác, tôi không rõ liên hệ ra sao, nhưng các người con của bác ta, hễ lớn thì tôi kêu bằng anh, chị, nhỏ  thì tôi kêu mầy tao cũng chẳng ai sửa sai. Người bác nầy không khá giả gì. Ông ta bán kẹo kéo. Sáng sớm ông nấu đường trong một cái chảo, rồi đổ ra một cái thau, thau được đặt trên một hồ nước nhỏ cho mau nguội, xong ông đánh đường trên một chạc ba gắn trên cột nhà cho trắng đường, thành cục kẹo bự. Ông đặt cục kẹo trên bàn, banh ra, đổ đậu phọng rang vào và kéo hai mép lại với nhau. Giống bác sĩ mổ bụng bịnh nhân, chữa trị xong, bỏ ruột gan vào và khâu lại vậy. Tôi thường dậy sớm, qua nhà ông ta, chờ khi đậu phọng rang đã nguội, tôi bóp cho vỏ mỏng tróc ra, bỏ vô mồm, ăn chán chê mà ông ta không nói tiếng nào. Coi bộ ông thích tôi lắm, buổi sáng nào ông cũng để sẵn cho tôi, khi thì chén cơm chiên, khi thì tô cơm hến để tôi điểm tâm trước khi đi học. Ông kể lại lai lịch nghề kẹo kéo của ông ta một cách hãnh diện. Rằng trước đây, vào khoảng thập niên 40, 50 Hội An chỉ có một người tàu bán kẹo kéo. Cách làm kẹo kéo khá đơn giản, nhưng chú chệt giấu nghề rất kỷ. Chú ở chung với người bà con trong một tiệm buôn. Sáng sớm, mới bốn năm giờ, chú đã dậy nấu kẹo. Chẳng phải chú siêng năng gì, nhưng chú sợ ban ngày, có người nhìn thấy sẽ bắt chước. Người bác tôi, lúc đó còn rất trẻ, làm công nhân khuân vác trong tiệm, âm mưu ăn cắp nghề nên xin chủ ngủ nhờ trong tiệm. Tối đến, bác ôm chiếc chiếu, leo lên đống hàng hóa nằm ngủ, đến gần sáng bác hé mắt theo dõi chú chệt làm kẹo. Tiến trình làm kẹo thì bác nắm được, nhưng có một thứ nước mà chú chệt vô phòng ngủ đem ra đổ vào đường trước khi nấu thì bác chịu, không biết là chất gì? Sau, bác rình lúc chú đi vắng, mò vô buồng chú tìm. Hóa ra là hủ giấm chú giấu kỹ trong gậm giường. Sau nhiều lần nấu thử, bác tôi thành công. Bác làm một thùng kẹo kéo, nhờ người bạn đem đến trước tiệm, nơi chú chệt trọ, đứng đó suốt buổi, lại bán rất rẻ.   
Chú chệt buồn tình bỏ đi. Thế là bác tôi hành nghề kẹo kéo từ đó. Nghề nầy cũng chỉ đủ nuôi vợ con sống qua ngày. Đi rả cẳng suốt ngày mà cái nhà tranh vách lá ngày càng xiêu vẹo. Vợ bác bán hàng vặt ở chợ Hội An, cũng chẳng phụ được bao nhiêu. Tôi nhớ một lần bác bị cảm vì hôm trước mắc mưa giông. Buổi sáng chủ nhật đó, bác trùm mền nằm, không làm kẹo. Tôi qua hỏi thăm, bác bảo người lạnh run, đau đầu... gì đó. Tôi bảo bác đưa tiền, tôi ra tiệm thuốc tây mua thuốc cho. Tôi cầm tiền, ra tiệm thuốc tây, kể bịnh cho người bán thuốc, mua về cho bác uống, chỉ gần trưa là bác dậy nấu kẹo chuẩn bị đi bán. Bác bảo tôi đọc cái toa thuốc cho bác nghe, chữa bịnh gì, uống thế nào... xong bác đưa tiền cho tôi ra tiệm thuốc tây mua một mớ. Thế là bác vừa bán kẹo vừa làm thầy thuốc. Bác ôm thùng kẹo kéo đi khắp vùng ngoại ô, về cả các nơi xa xôi hẻo lánh. Người nào bịnh bác cũng vào thăm, sờ đầu, bắt mạch (?!), hỏi bịnh trạng rất kỹ, bác cho ít thuốc uống tạm.   
Chiều về bác bảo tôi ra nhà thuốc kể tình trạng của những bịnh nhân của bác và nhà thuốc bán cho thuốc chữa bịnh, thế là hôm sau bác đem thuốc cho thân chủ uống. Người dân nông thôn ít khi dùng thuốc tây, khi bịnh chỉ uống nước rễ cây, lá cây, xông, cạo gió, nay dùng đúng thuốc, linh nghiệm như thần. Bác không biết chữ, chỉ biết đọc được các con số. Thỉnh thoảng bác nhìn lên lịch và làm ra vẻ thông thái “Chà bữa nay tám tây rồi mà chỉ mới mồng hai âm lịch!” bác mù chữ nhưng nhớ công dụng các loại thuốc tây rất tài. Chỉ cần tôi đọc cái toa một lần là bác nhớ mãi. Đa số là thuốc trụ sinh, thuốc cảm và một vài thứ quảng cáo trên đài phát thanh. Bác còn mua thêm thuốc bán trong tiệm thuốc bắc như Tiêu Ban Lộ, Cứu Cấp Lục Thần Thủy... Khi cho bịnh nhân uống bác thường gói vào một tờ giấy khác, nên ai cũng tưởng thuốc do bác bào chế. Thuốc tây thường là thuốc viên, bác bỏ vô cối giả thành bột, cũng gói thành những gói nhỏ. Mẹ tôi gọi bác là Ông Thầy Thọt, chẳng phải bác què chân mà vì mỗi sáng bác cứ đem thuốc ra đâm thọt trong cái cối nghe cọc cạch, cọc cạch. Nhờ sáng kiến đó mà bác nổi danh mát tay ở vùng thôn quê. thỉnh thoảng tôi thấy có người đem gà, vịt , chiếu Bàn Thạch đến biếu bác. Cuộc sống của gia đình bác coi mòi khá hơn trước chứ chẳng giàu có gì. Vậy mà đột nhiên một hôm bác bảo tôi “Tao sẽ ra Đà Nẳng ở, tao mua nhà ngoài đó rồi” Tôi hỏi “Bác làm gì mà giàu quá vậy?” Bác thì thầm một cách bí mật “Mầy đừng cho ai biết, con tao mầy cũng đừng cho biết. Tao bắt được vàng Hời, một con cua vàng sau miếu Quảng An”.  
  
Trở lại chuyện miếu Quảng An. Thường thì ngày rằm, mồng một có ông Ba Râu ra thắp nhang, đèn. Cây đèn hột vịt, nhỏ xíu nên ánh sáng mờ ảo, bàn thờ trông càng thâm u ma quái. Chẳng những bọn trẻ con chúng tôi mà cả đến người lớn cũng sợ. Mấy chị đàn bà chửi lộn thường gài nhau “Mầy có ngon ra miếu Quảng An thề với tao, đứa nào ăn ngược nói ngạo, ngài vật cho sặc máu ra”. Lại có lời đồn rằng có chị gánh nước và anh lính dẫn nhau vô miếu làm gì đấy, ngài bắt dính nhau phải chở đi nhà thương gỡ ra. Nhưng lời đồn hấp dẫn nhất là thỉnh thoảng vào ngày mồng một có bầy cua vàng bò ra kiếm ăn sáng rực cả một góc sân. Nhiều người rình, nhưng không ai xác nhận có bắt được cua vàng, có thể họ bắt được nhưng giấu chăng? Chẳng hạn như ông bác họ của tôi bảo có bắt được, riêng tôi vẫn không tin, tuy không bao giờ nói ra.  
  
Thời câu chuyện tôi đang kể đây khoảng năm 54, khi hiệp định Geneve chia cắt đất nước và đồng bào Miền Bắc ồ ạt di cư vào Nam. Thành phố Hội An cũng hân hạnh được đón một số, phần đông là công chức hoặc tiểu thương. Vì thiếu chỗ nên các đình miếu được trưng dụng làm nơi cư ngụ cho đồng bào. Miếu Quảng An đón một gia đình, sau nầy tôi biết tên là ông Dần vì ông có sạp hàng ở chợ Hội An. Người Bắc di cư đa số là công giáo, họ chẳng sợ ma quỉ bao giờ. Ma quỉ thấy thánh giá là bỏ chạy cả. Ấy vậy mà miếu Quảng An đã làm cho gia đình ông Dần một phen sợ hãi. Nghe đồn rằng vào lúc gần khuya, đèn thắp sáng, mọi người còn thức, riêng ông Dần mới thiu thiu thì đứa con kêu thét lên, bà vợ cũng kêu thét lên khi thấy một cái đầu từ trên nóc miếu, chỗ có cửa sổ nhỏ, thò xuống, cái cổ cứ dài mãi ra. Cái đầu đen thùi, mắt trắng dã, miệng đỏ lói, nhe nanh như muốn cắn người ta. Khi ông Dần tỉnh ngủ thì chẳng thấy gì nhưng bà vợ cả quyết thấy rất rõ. Theo lời khuyên của mọi người, ông Dần nhờ một số bạn, buổi tối đến thổi kèn tây tò te cho đến khuya. Ma quỉ nghe kèn tây sẽ bỏ đi hết. Tôi cùng một số bạn tối nào cũng đến xem thổi kèn. Thấy đèn điện sáng trưng nên không còn sợ nữa. Ngày rằm mồng một vẫn thấy ông Ba Râu vào thắp nhang. Ít lâu sau, hình như ông Dần mua đứt cái miếu nên cửa nẻo được lắp vào, sơn phết lại rất khang trang. từ đó không thấy cúng kiếng gì nữa.  
Chuyện người bác tôi tức ông thầy Thọt bảo rằng sẽ ra Đà Nẵng mua nhà chỉ xảy ra sau khi chuyện ma xuất hiện nhác gia đình ông Dần ít lâu thôi. Tôi không tin chuyện ông ta bắt được vàng. Trước đó có một lần, lúc gần khuya, trời lâm râm mưa, tôi đi coi hát về, thấy một người từ sau miếu đi ra. Tuy chỉ thoáng thấy dáng đi nhưng tôi biết ngay là ông bác tôi. Sáng hôm sau, tôi nói ngay “Khi hôm con thấy bác sau miếu Quảng An”. Bác bảo “Mầy đừng nói ai, tao rình bắt mấy con cua vàng. Có người ở trong miếu, nó động ổ nên bò ra kiếm ăn sau miếu”. Thế rồi ít lâu sau bác mua nhà ngoài Đà Nẵng. Nhà gần chợ Cồn, buôn bán rất khá giả. Sau nầy lớn lên, có lần ra Đà Nẵng thi tú tài, tôi có trọ nhà bác mấy bữa. Bác vẫn tử tế như trước. Ngày thi xong bác đãi tôi một bữa tiệc nhỏ “Tao biết mầy thi là đậu nên tao đãi mầy trước” Nhân lúc ngà ngà hơi rượu tôi hỏi bác “Chuyện con rùa vàng có thật không bác?” Bác cười cười bảo “Mầy đã thấy rồi còn hỏi” “Nhưng con có thấy gì đâu?” “Cứ coi như thấy rồi đi, hỏi làm chi” Tôi biết bác không muốn nói, nhưng vẫn thắc mắc, không biết chuyện con cua vàng có thật không?  
  
Đậu tú tài xong, tôi vào Sài Gòn học tiếp, rồi thành công chức, rồi sập tiệm, tôi đi tù. Khi có vụ HO đi Mỹ, tôi ghé thăm bác, ông thầy Thọt ngày trước. Mấy mươi năm, bác đã già lắm rồi. Tóc bạc, răng rụng nhưng vẫn còn vẻ tinh anh. Các con bác đã lập gia đình, chỉ có cô gái út còn sống với vợ chồng bác. Tối đó hai bác cháu ngồi lai rai, chuyện trò đến khuya. Khi bàn đến chuyện có số phận hay không, bác bảo “Ai cũng tin rằng con người đều có số phận thì chẳng chịu cố gắng, chẳng chịu làm lụng, rốt cuộc chỉ đi ăn mày”. Tôi cãi “Giày dép còn có số. Như bác chẳng làm gì cả, chỉ đi rình sau miếu Quảng An mấy lần là bắt được con cua vàng. Nhiều người cũng rình như bác mà đâu có gì. Đúng là bác có số trời cho làm giàu”. “Trời nào mà cho. Tao phải đem mưu kế, đem cái mạng tao ra...”. Biết là bác sắp nói ra điều bí mật nên tôi nói khích “Gì mà mưu kế dữ vậy. Chịu khó rình một lúc. Bữa con thấy bác sau miếu... Cũng giống như con đi chơi khuya về thôi, có điều đừng sợ ma như bác mới được”. “Tao mà sợ ma à? Người ta sợ tao thì có. Chuyện ma hiện trong miếu để nhác vợ con ông Dần là tao, chứ ma nào”. “Bác làm ma à? Sao bác lại chổng ngược người ngoài cửa sổ được, lại còn kéo cái cổ dài ra?”. “Tao nằm trên nóc miếu thò đầu xuống. Còn chuyện cái cổ dài ra là vì chúng sợ quá tưởng vậy thôi”. “Nhưng bác leo lên nóc miếu làm gì? Thò đầu vô miếu làm gì?” Bác cười tỉnh khô, để lộ mấy cái răng còn sót, đen thùi. “Tao rình để ăn trộm chứ leo lên làm chi”. Tôi năn nỉ “Bác kể thật con nghe, từ đầu đến cuối. Con nghi đúng mà. Làm gì có chuyện con cua vàng”. Bác làm một hơi rượu, khà một tiếng, rồi rung đùi coi bộ khoái trá lắm “Chuyện nầy chỉ vợ tao biết, bây giờ đến mầy là hết. Mấy đứa con tao mà biết, chúng sẽ khinh tao mà không nghĩ rằng tao đi ăn trộm chỉ vì chúng mà thôi”. “Nhưng trước giờ bác có làm nghề đó đâu. Bác lúc nào cũng làm ăn lương thiện. Mà sao bác chỉ rình có nhà ông Dần để ăn trộm mà không rình nhà khác?”. “Bữa gia đình ông Dần mới dọn đến, tao đứng bán kẹo trước miếu Quảng An. Lúc đó bọn học trò đi học về, đứng xem cũng đông. Trong lúc bán, tao bỗng nghe trong miếu tiếng trẻ con khóc, thì ra bà Dần đánh đứa con nhỏ. Nó đang chơi với một mớ toàn vàng. Nhẫn, xuyến, dây chuyền, cà rá, hột xoàn... đứng xa mà tao thấy chói cả mắt. Tao bỗng nảy ra ý định ăn trộm vì thấy họ để của bừa bãi như thế ắt dễ tìm ra. Tao rình mấy đêm, thấy khó ăn quá, nhất là sau vụ vợ con ông ta thấy tao tưởng ma, nhưng ông Dần không tin. Mấy hôm sau tao thấy ông treo khẩu súng lục chỗ cột nhà, có lẽ mượn của ai đó để cảnh cáo tên trộm”. “Coi bộ khó ăn, lại nguy hiểm nữa. Mất mạng  như chơi”. Tôi nói thế để bác thầy thọt của tôi hứng chí, nói tiếp. Mà tôi thấy cũng nguy hiểm thật. Bác cười khoái trá “Mầy thấy con người hơn nhau ở cái đầu...Tao định trộm luôn khẩu súng nhưng làm thế khác gì chọc ổ kiến lửa là cảnh sát. Tao chỉ tìm lấy gói vàng mà thôi”. “Nhưng sau đó ông Dần vẫn có tiền mở sạp áo quần ở chợ Hội An?”. “Người chạy loạn nào cũng khôn mới sống được. Họ chia của. Vợ một ít, con một ít, rủi có tản lạc thì cũng còn cái để mà sống. Tao biết nên chỉ tìm thấy một gói đủ rồi. Chẳng phải nhân đạo, nhưng lấy hết bắt buộc họ phải thưa cảnh sát để tìm cho ra. Mất chút đỉnh thì họ làm thinh luôn”. “Nhưng người ta cảnh giác như thế, bác làm sao mà lục lọi được?”. “Đó, tao đã nói, dùng cái đầu trước, chân tay mới cục cựa sau”. “Bác nói hết luôn đi. Cứ lòng vòng!”. “Mầy biết ông Ba Râu không? Ông đó chuyên thắp nhang ngoài miếu Quảng An. Tao chờ lúc ông ta đi vắng đến nhà tráo một mớ mê hồn hương vào bó nhang. Hít một chút là ngủ say như chết. Ngày rằm, mồng một ông ta đem nhang ra thắp ngoài miếu, thế là tao vào miếu lục soạn, cả nhà ông Dần đã bị mê hồn hương thì có khiêng mà vất ngoài đường cũng không hay”. “Nhưng mê hồn hương ở đâu bác có?”. “Cái nầy thì tao đã thề bán mạng không cho ai biết”. “Bác cứ nói đại khái thôi, đâu cần phải nêu tên”. “Ừ, đó là ông thầy của tao. Ông ta là tổ sư  ăn trộm. Lúc đó ông ta đã già nhưng giàu lắm. Ngay ở Hội An mình. Có nói tên mầy cũng không tin. Ông ta có bổn phận là ngày giỗ tổ phải cúng tổ bằng của ăn trộm. Ông ta già quá mà không có đồ đệ nên bảo tao đi ăn cắp giùm ông ta một vật gì đó để cúng tổ. Lúc đó tao nói rõ ý định ăn trộm nhà ông Dần, ông ta chỉ ngồi xích lô đi ngang trước miếu Quảng An có một lần là bày mưu cho tao làm vố đó. Dĩ nhiên muốn có mê hồn hương tao phải lạy ông ta làm sư phụ, lạy tổ xin vào nghề. Trộm vụ đó tao cúng tổ chiếc nhẫn vàng. Nhưng đó là vụ đầu tiên và cũng là vụ cuối cùng của tao”. Tôi định bảo “Mưu kế là ở sư phụ bác, vậy mà bác kể như bác tài lắm vậy”. Nhưng tôi chỉ hỏi “Sau nầy bác có đến thăm sư phụ của bác không?”.  “Có chứ! Tao đâu quên ơn thầy. thỉnh thoảng tao về Hội An ghé thăm. Ông ta giàu quá, đâu cần mình giúp, chỉ cần ngồi nghe ông ta tâm tình là ông ta vui rồi. Ông ta kể, học nghề từ lúc còn nhỏ. Nghề nầy còn bí mật gấp mấy lần Thiên Địa Hội, kỷ luật thì chỉ có sống hoặc chết thôi. Hể sư phụ ra lệnh là đồng nghiệp giết ngay”. “Bác có đồng nghiệp không?” “Bây giờ ăn cắp vặt thì được, ai dám lọ mọ rình rập trong bóng tối, cảnh sát hay lính thấy được có mà ăn đạn. Mầy thấy cái trang thờ đàng kia là bàn thờ tổ. Ông thầy tao trước khi chết, truyền bài vị tổ sư cho tao vì không còn ai nối nghiệp”. “Như vậy sư phụ phải truyền cho bác các bí quyết ăn trộm chứ?”. “Dĩ nhiên. Ông thầy chỉ tao cách nghiên cứu địa hình địa vật, tính tình, thói quen những người trong gia đình mà mình sắp hành nghề, cách đào tường khoét vách, cách trừ chó, cách tẩu tán của ăn trộm, cách khai báo nếu rủi bị bắt, cách chịu đòn sao cho không bị đánh vào chỗ nhược...”. “Có truyền cho bác cách làm mê hồn hương không?”. “Có chứ, cái nầy mới là bí truyền...”. Tôi nói đùa “Bác nhận con làm đồ đệ rồi truyền cách chế mê hồn hương đi”. “Tướng mầy mà trộm đạo gì được”. “Ủa, bộ ăn trộm cũng phải có tướng sao?”. “Thì phải có tướng ăn trộm mới nhận làm đồ đệ. Đâu có dễ mầy!” “Chắc sư phụ cũng truyền nghề xem tướng ăn trộm cho bác. Bác nói thử tướng ăn trộm ra sao?”. “Dễ quá! Mầy thấy có nhiều người đến nhà ai, cửa chính không vào mà cứ vào cửa hông hoặc hay dòm vô cửa sổ nhà người ta, khi nói chuyện thì mắt láo liêng nhìn khắp nơi mà không nhìn thẳng vào người đối diện...Tao không nói họ là ăn trộm, nhưng có khiếu ăn trộm, truyền nghề được. Chắc ăn nhất là mấy đứa nhỏ hay ăn cắp vặt, chúng có máu ăn trộm bẩm sinh trong người”. “Còn mê hồn hương? Bác có biết làm không? Bác nói đại khái nghe cho vui thôi, đâu cần chi tiết”. “Ừ! Mầy biết mấy người đánh cá biển, thỉnh thoảng có người bị con rắn biển mà họ gọi là con “đẻn” cắn, cứ mê man, không biết gì hết. Không có thuốc chữa. Ngủ hoài rồi chết luôn. Nếu biết cách thì xúm nhau cứ phèn la, chuông, mõ gõ liên tục, lại phải banh mắt, la hét vào tai, gọi tên người bị nạn, hỏi chuyện... đừng cho ngủ. Phải la to “Không được ngủ, không được ngủ, ngủ là chết!”. Cố sao cho được một ngày, một đêm, nọc độc tan là sống. Bắt được con “đẻn” loại đó, đem về phơi cho thật khô, sao vàng, tán nhuyễn thành bột rồi làm như người ta làm nhang vậy. Tức là cũng chẻ tre thành cọng nhang, nhúng hồ rồi lăn trên bột “đẻn”, phơi cho thật khô, thế thôi. Khi muốn “hun” nhà ai, cứ đốt lên, nhè cửa sổ mà quạt vào...”. “Bác có làm thử chưa?” “Tao có làm rồi nhưng không hiệu quả. Có lẽ không đúng loại “đẻn” mình cần. Ông thầy tao có cho bức tranh vẻ con “đẻn” đó, nó không giống thứ người ta đem bán cho tao, nhất là mấy cái khoanh màu trên mình nó. Nó dẹp lép như lá lúa. Tao hỏi dân biển, vài người bảo có thấy nhưng hiếm lắm, độc lắm, không ai dám động đến. Nghe nói nước miếng của nó thôi, dính chỗ nào trên người là chỗ đó lở ra thành từng vạt như người bị phỏng nặng vậy. Không có thuốc chữa...”  
  
Tôi nghĩ rằng, ông bác họ tôi đã không nói thật. Tôi nhìn quanh, thấy căn nhà tuy không lớn nhưng ở địa thế buôn bán như thế nầy thì chỉ một vụ trộm đó thôi, làm gì mua nổi. Ông muốn giấu thật kĩ chuyện làm ăn không lương thiện nầy, nhưng giữ mãi trong bụng, ấm ức, chịu không được. Nay thấy tôi cũng có thể tin tưởng, vả lại tôi sắp đi Mỹ rồi, nên thổ lộ chút ít cho hả cái thú vị, khoái trá bấy lâu nay. Thử nghĩ coi, đang nghèo khó, nhà tranh vách lá, mưa dột tứ tung, cái ăn không đủ, bỗng nhiên mua nhà mặt tiền, mở tiệm...  
  
Người trúng số phải la lên thật to, cười cho sướng, vênh mặt lên trời cho bỏ ghét cuộc đời...Nhưng ông bác tôi thì chịu, không thể làm như thế! Chả lẽ lại kêu lên “Tôi ăn trộm nên mới được như thế nầy!”?  
   
**Phạm Thành Châu**

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: http://hoctrohue.blogspot...n-pham-thanh-chau.html  
Được bạn: Thanh Vân đưa lên  
vào ngày: 7 tháng 1 năm 2011